TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 32/2018/HSST
Ngày: 27-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thái Hoàn Xanh
2/ Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Phùng Thị Huyền Minh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Túy Giang – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 16/3/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L; sinh năm: 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 128/2 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thành và bà Nguyễn Thị Luận; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 23/10/2017 – Có mặt

Người bị hại:
Chị Đặng Thị L; sinh năm: 1989; trú tại: 266/15 đường Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Thanh Tài; sinh năm: 1993; trú tại: 128/2 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/10/2017, chị Vũ Thị Huyền T điều khiển xe gắn máy chở chị Nguyễn Thị Phương A và chị Đặng Thị L lưu thông trên

đường Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận T. Khi đi đến trước nhà số 159/9/1 Nguyễn Súy thì bất ngờ bị Nguyễn Thanh L điều khiển xe gắn máy biển số 59D1-568.59 đi cùng chiều, ép sát vào bên trái và dùng tay phải giật chiếc bóp chị L đang cầm trên tay. Chị L tri hô và cùng quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ được L cùng tang vật.

Tài sản của chị L để trong chiếc bóp bị L chiếm đoạt gồm có 629.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus. Theo kết luận định giá tài sản số 336//KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND quận T chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus nêu trên trị giá 7.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Công an quận T, Nguyễn Thanh L đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngoài ra L còn khai nhận trước đó còn thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản khác nhưng không nhớ thời gian và địa điểm thực hiện. Tài sản chiếm đoạt được là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobil L giữ lại để sử dụng, sau đó bị mất và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, L nhờ người bạn tên Quang (không rõ lai lịch) bán hộ được 2.500.000 đồng đã tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc bóp da màu xám, bên trong có 629.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Công an quận T đã trả lại cho người bị hại Đặng Thị L.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số 59D1-568.59 L dùng làm phương tiện phạm tội. Qua điều tra xác minh thể hiện xe do anh Nguyễn Thanh T (anh ruột của L) là chủ sở hữu. Ngày 23/10/2017 L mượn xe đi công chuyện, việc L dùng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản anh Tài không biết, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lại xe cho anh T.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 09 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội: "Cướp giật tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, (điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 03 đến 04 năm tù.

- Bị cáo Nguyễn Thanh L đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 23/10/2017, Nguyễn Thanh L điều khiển xe gắn máy trên đường Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận T, thì phát hiện thấy chị Đặng Thị L ngồi sau xe gắn máy do chị Vũ Thị Huyền T điều khiển đang L thông hướng ngược chiều, trên tay chị L cầm 01 chiếc bóp. L điều khiển cho xe quay lại chạy từ phía sau lên ép sát vào bên trái xe chị T và dùng tay phải giật chiếc bóp của chị L đang cầm trên tay, sau đó bị bắt giữ cùng tang vật là 01 chiếc bóp bên trong có 629.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus trị giá 7.000.000 đồng.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Cướp giật tài sản", như bản cáo trạng đã truy tố. Do bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật tài sản của người bị hại cũng đang điều khiển xe gắn máy L thông trên đường, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe của người bị hại cũng như của những người khác đang tham gia giao thông, đây là thủ đoạn phạm tội nguy hiểm, nên Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015) là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng sơ hở của người bị hại mang theo tài sản khi ra đường, bị cáo đã dùng phương tiện xe gắn máy công khai cướp giật, chiếm đoạt tài sản sau đó nhanh chóng tẩu thoát ngay trên đường giao thông, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với từng bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm g điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

[3] Đối với hành vi cướp giật tài sản của bị cáo đã thực hiện trong hai lần trước đây, ngoài lời khai của bị cáo ra không còn chứng cứ gì khác, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 01 chiếc bóp da màu xám, bên trong có 629.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Công an quận T đã thu hồi trả lại cho người bị hại là chị Đặng Thị L. Chị L đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm,

Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng. Vật chứng trong vụ án gồm có:

- 01 chiếc bóp da màu xám, bên trong có 629.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, Công an quận T đã trả lại cho người bị hại Đặng Thị L.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số 59D1-568.59 L dùng làm phương tiện phạm tội. Qua điều tra xác minh thể hiện xe do anh Nguyễn Thanh Tài (anh ruột của L) là chủ sở hữu. Ngày 23/10/2017 L mượn xe đi công chuyện, việc L dùng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản anh Tài không biết, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lại xe cho anh Tài.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng bị cáo L khai là tiền bán điện thoại di động trong vụ cướp giật trước đó mà có. Đây là tài sản do phạm tội mà có, nên buộc bị cáo nộp lại, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

[6] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội:"Cướp giật tài sản"

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, (điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 23 tháng 10 năm 2017.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp lại số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm ngàn) đồng, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo
- VKS Q.Tân Phú.
- THA quận T.
- Công an Q.Tân Phú
- P.PC27-CATP
Sở Tư pháp TP.HCM
- L hồ sơ

Lê Công Huân